TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST Ngày: 13-3-2025 V/v Tranh chấp về xác định cha cho con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Tấn Sơn.

2/ Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Đình Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2025/TLST-HNGĐ ngày 10/01/2025 về việc Tranh chấp về xác định cho cho con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Thanh T1, sinh năm 1982; địa chỉ: Số A, đường Thích Quảng Đ, tổ B, khu phố C, phường Phú C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

2. Bị đơn: Bà Lý Hồng T2, sinh năm 1986; địa chỉ: Số D, tổ E, khu phố F, phường Chánh N, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Dương Ngọc T3, sinh năm 1982; địa chỉ: Số K, ấp L, xã Tân M, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp. Có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, ông Phạm Thanh T1 là nguyên đơn trình bày: Bà Lý Hồng T2 và ông Dương Ngọc T3 kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Chánh N, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống, bà T2 và ông T3 có 01 con chung là cháu Dương Ngọc D, sinh năm 2009. Đến năm 2015, ông T3 và bà T2 phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể giải quyết được nên cả hai đã sống ly thân. Đến tháng 12/2022, bà T2 và ông T3 cùng nộp đơn tại Tòa án nhân dân thành phố T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và được giải quyết bằng Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham

gia hòa giải tại Tòa án số 15/2023/QĐCNTTLH ngày 27/01/2023 của Tòa án thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Trong khoảng thời gian bà T2 và ông T3 sống ly thân, khoảng cuối năm 2017, ông T1 và bà T2 đã gặp nhau và nảy sinh tình cảm, cả hai quyết định về sống chung, nhưng không tổ chức đám cưới và không đăng ký kết hôn. Sau khi ly hôn ông T3, ngày 04/4/2023, ông T1 và bà T2 tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Chánh N. Giữa ông T1 và bà T2 có 01 con chung là cháu Phạm Lý Nhật H, sinh ngày 17/11/2018. Hiện bà T2 và ông T1 chưa đăng ký khai sinh được cho cháu Hạ. Vì vậy, ông T1 đã khởi kiện yêu cầu Tòa án xác nhận ông T1 có quan hệ huyết thống cha con với cháu gái có tên dự định đặt là Phạm Lý Nhật H, sinh ngày 17/11/2018, theo Giấy chứng sinh số 68, quyển số 143 ngày 17/11/2018 tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương. Đồng thời, ông T1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết, bà Lý Hồng T2 là bị đơn trình bày: Bà T2 thống nhất với phần trình bày của ông T1 về thời gian chung sống, thời gian đăng ký kết hôn và về con chung. Bà T2 xác định quá trình chung sống, ông T1 và bà T2 có 01 con chung là cháu Phạm Lý Nhật H, sinh ngày 17/11/2018. Đến nay, cháu Hạ vẫn chưa có giấy khai sinh. Do đó, trước yêu cầu khởi kiện của ông T1 về việc xác nhận cháu gái do bà T2 sinh ra với tên dự định đặt là Phạm Lý Nhật H, sinh ngày 17/11/2018 theo Giấy chứng sinh số 68, quyển số 143 ngày 17/11/2018 tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương là con đẻ của ông T1 thì bà T2 hoàn toàn đồng ý và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Dương Ngọc T3 trình bày: Ông T3 và bà Lý Hồng T2 kết hôn năm 2008. Ông bà có 01 con chung là cháu Dương Ngọc D, sinh năm 2009. Đầu năm 2015, ông T3 và bà T2 đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể giải quyết được nên cả hai đã sống ly thân. Đến tháng 12/2022, ông T3 và bà T2 đã nộp đơn thuận tình ly hôn tại Tòa án thành phố T và Tòa án đã giải quyết cho ly hôn, bà T2 nuôi con chung. Đối với cháu gái do bà T2 sinh ra với tên dự định đặt là Phạm Lý Nhật H, sinh ngày 17/11/2018 không phải là con chung của ông T3 và bà T2. Do vậy, ông T3 không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông T1. Đồng thời, ông T3 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Theo Phiếu kết quả phân tích ADN số 2414173 ngày 20/02/2025 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân tích Di truyền – Chi nhánh phía Nam, kết luận: Ông Phạm Thanh T1 và cháu gái, sinh ngày 17/11/2018 theo Giấy chứng sinh số 68, quyển số 143 ngày 17/11/2018 tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương, dự định đặt tên là Phạm Lý Nhật H có quan hệ huyết thống cha - con.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Căn cứ vào Phiếu kết quả phân tích ADN số 2414173 ngày 20/02/2025 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân tích Di truyền – Chi nhánh phía Nam,

đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thanh T1 về việc xác định cháu Phạm Lý Nhật H là con đẻ của ông Phạm Thanh T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp về việc xác định cha cho con theo quy định tại khoản 4 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Lý Hồng T2 có nơi cư trú tại phường Chánh N, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc tham gia phiên tòa của các đương sự: Ông Phạm Thanh T1 là nguyên đơn, bà Lý Hồng T2 là bị đơn và ông Dương Ngọc T3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự có tên nêu trên theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Qua xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xác định cha cho con, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Bà Lý Hồng T2 và ông Dương Ngọc T3 kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Chánh N, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Sau khi kết hôn, bà T2 và ông T3 chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nên cả hai đã sống ly thân. Năm 2022, bà T2 và ông T3 nộp đơn thuận tình ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố T và được giải quyết bằng Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án số 15/2023/QĐCNTTLH ngày 27/01/2023.

[2.2] Khoảng cuối năm 2017, bà T2 đã quen biết và chung sống như vợ chồng với ông Phạm Thanh T1. Ngày 17/11/2018, bà T2 sinh cháu gái có tên dự định đặt là Phạm Lý Nhật H tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng sinh số 68, quyển số 143 ngày 17/11/2018. Xét thấy, qua phần trình bày của ông T1, bà T2 đã xác nhận cháu gái có tên dự định đặt Phạm Lý Nhật H do bà T2 sinh ra là con đẻ của ông Phạm Thanh T1. Điều này cũng đã được ông Dương Ngọc T3 thừa nhận cháu H không phải con chung của ông T3 và bà T2. Đồng thời, theo yêu cầu của ông T1, Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định ADN giữa ông T1 và cháu H. Ngày 20/02/2025, Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân tích Di truyền – Chi nhánh phía Nam đã có Phiếu kết quả phân tích ADN số 2414173 kết luận: Ông Phạm Thanh T1 và cháu gái, sinh ngày 17/11/2018 theo Giấy chứng sinh số 68, quyển số 143 ngày 17/11/2018 tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương, dự định đặt tên là Phạm Lý Nhật H có quan hệ huyết thống cha - con.

Do đó, việc ông Phạm Thanh T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án xác nhận ông T1 có quan hệ huyết thống cha con với cháu gái do bà Lý Hồng T2 sinh ra với tên dự định đặt là Phạm Lý Nhật H, sinh ngày 17/11/2018, theo Giấy chứng sinh số 68, quyển số 143 ngày 17/11/2018 tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương là có căn cứ chấp nhận, phù hợp quy định tại Điều 39 của Bộ luật Dân sự và Điều 88, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 235, 238, 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 88, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Thanh T1 đối với bị đơn bà Lý Hồng T2 về việc Tranh chấp về xác định cha cho con.

Xác định ông Phạm Thanh T1 là cha đẻ của cháu gái do bà Lý Hồng T2 sinh ra với tên dự định đặt là Phạm Lý Nhật H, sinh ngày 17/11/2018 (theo Giấy chứng sinh số 68, quyển số 143 ngày 17/11/2018 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương).

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Lý Hồng T2 được miễn án phí sơ thẩm.

3. Các đương sự có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. T;
- Chi cục THADS Tp. T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ngọc Chung